

ĐIỀU LỆ QUỸ

(Hiệu lực 31/03/2023)

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG **EASTSPRING** INVESTMENTS VIỆT NAM (Quỹ ENF)



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS

Tầng 23, Tòa nhà Trung tâm Thương mại Sài Gòn
Số 37, Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3910 2848 Số Fax: (84-28) 3910 2145
Website: www.eastspring.com/vn

ĐIỀU LỆ
QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT
NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

-----***-----

NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CHÚ Ý NHỮNG KHUYẾN NGHỊ QUAN TRỌNG DƯỚI ĐÂY:

- A) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS (“CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ”) LÀ ĐƠN VỊ SOẠN THẢO BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY.
- B) NHÀ ĐẦU TƯ CẦN ĐỌC KỸ BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY VÀ BẢN CÁO BẠCH TRƯỚC KHI CÂN NHẮC VIỆC MUA CHỨNG CHỈ QUỸ. BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY ĐƯỢC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ XÂY DỰNG CHUNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG KHÁC NHAU, KHÔNG DỰA TRÊN MỤC ĐÍCH ĐẦU TƯ, NĂNG LỰC TÀI CHÍNH HAY NHU CẦU ĐẦU TƯ CỦA BẤT KỲ KHÁCH HÀNG, NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ CỤ THỂ NÀO. VÌ VẬY, TRƯỚC KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ NÀY, NHÀ ĐẦU TƯ NÊN CÂN NHẮC THẬT KỸ, BẢO ĐẢM VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ THỰC SỰ PHÙ HỢP VỚI MÌNH.
- C) KHÔNG ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY VÀ BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐỂ MỜI CHÀO HAY ĐỀ NGHỊ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ NGOÀI LÃNH THỔ VIỆT NAM, TRỪ KHI CÓ SỰ ĐỒNG Ý BẰNG VĂN BẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.
- D) KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀO QUỸ SẼ PHỤ THUỘC VÀO NHỮNG RỦI RO ĐẦU TƯ: KHẢ NĂNG VIỆC THANH TOÁN BỊ TRÌ HOÃN, KHẢ NĂNG BỊ MẤT THU NHẬP VÀ MẤT SỐ VỐN ĐẦU TƯ. KHÔNG AI KỂ CẢ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ CÓ THỂ ĐẢM BẢO VIỆC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ SẼ THÀNH CÔNG HOẶC CAM KẾT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ SẼ ĐƯỢC HOÀN TRẢ ĐẦY ĐỦ, VIỆC ĐẦU TƯ SẼ CÓ LỢI NHUẬN.
- E) THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ TRONG QUÁ KHỨ (NẾU CÓ) KHÔNG CÓ NGHĨA HAY HÀM Ý BẢO ĐẢM KẾT QUẢ ĐẦU TƯ TƯƠNG TỰ TRONG TƯƠNG LAI CỦA QUỸ VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO LỢI NHUẬN HAY VIỆC BẢO TOÀN VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.
- F) CHỨNG CHỈ QUỸ LÀ LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC VỀ BẢN CHẤT VÀ PHƯƠNG DIỆN RỦI RO SO VỚI CÁC CÔNG CỤ ĐẦU TƯ DO CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHÁT HÀNH NHƯ CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI, CÔNG CỤ CHUYÊN NHƯỢNG VÀ CÁC GIẤY TỜ CÓ GIÁ KHÁC CÓ LÃI SUẤT CÓ ĐỊNH HOẶC CÓ BẢO ĐẢM LỢI TỨC. VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG CHỈ QUỸ SẼ KHÔNG CÓ NGHĨA NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC CAM KẾT HOÀN LẠI BẤT KỲ MỘT KHOẢN THANH TOÁN, LỢI NHUẬN HOẶC KHOẢN VỐN CÓ ĐỊNH NÀO.
- G) NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO Ý KIẾN CHUYÊN GIA TÀI CHÍNH TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀO QUỸ.

-----***-----

MỤC LỤC

CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	8
ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	8
ĐIỀU 2. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	8
ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ	8
ĐIỀU 4. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐƯỢC CHÀO BÁN	8
ĐIỀU 5. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ	8
ĐIỀU 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	9
ĐIỀU 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	9
ĐIỀU 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ	9
CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	9
ĐIỀU 9. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	9
MỤC TIÊU CỦA QUỸ SẼ HƯỚNG ĐẾN VIỆC GIA TĂNG ỔN ĐỊNH VỀ VỐN THÔNG QUA CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ ĐA DẠNG HÓA CÁC LOẠI TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ. VỚI PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ TÀI SẢN LINH HOẠT NÀY, QUỸ SẼ TẬN DỤNG CÁC CƠ HỘI GIA TĂNG LỢI NHUẬN KHI THỊ TRƯỜNG TĂNG TRƯỞNG, ĐỒNG THỜI HẠN CHẾ RỦI RO THẤT THOÁT VỐN KHI THỊ TRƯỜNG CÓ NHỮNG DẤU HIỆU KHÔNG KHẢ QUAN	9
ĐIỀU 10. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ	9
ĐIỀU 11. HẠN MỨC ĐẦU TƯ	10
ĐIỀU 12. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH KÝ QUỸ	11
ĐIỀU 13. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ	12
CHƯƠNG III NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	12
ĐIỀU 14. NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TÀI KHOẢN NHÀ ĐẦU TƯ	12
ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	13
ĐIỀU 16. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ	14
ĐIỀU 17. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	15
ĐIỀU 18. MUA LẠI MỘT PHẦN, MUA TOÀN BỘ VÀ TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	16
ĐIỀU 19. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ	17
ĐIỀU 20. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ KHÔNG MANG TÍNH THƯƠNG MẠI	17
CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	17
ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	17
ĐIỀU 22. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG	18
ĐIỀU 23. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP, THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	18
ĐIỀU 24. LÁY Ý KIẾN ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN	19
ĐIỀU 25. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	19
CHƯƠNG V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	20
ĐIỀU 26. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	20
ĐIỀU 27. NHIỆM KỶ, TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ BẦU THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	20
ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	20
ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
ĐIỀU 30. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
ĐIỀU 31. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
ĐIỀU 32. VIỆC BÃI NHIỆM VÀ TỪ CHỨC CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
ĐIỀU 33. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	22
CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	22
ĐIỀU 34. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	22
ĐIỀU 35. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	23
ĐIỀU 36. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	23
ĐIỀU 37. HẠN CHẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	24
CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	24
ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	24
ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	24
ĐIỀU 40. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	25

Điều lệ Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

ĐIỀU 41.	CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI QUỸ	27
CHƯƠNG VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ.....		28
ĐIỀU 42.	CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN (CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC THUÊ NGOÀI).....	28
ĐIỀU 43.	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ	28
ĐIỀU 44.	TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ.....	28
ĐIỀU 45.	TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN	29
ĐIỀU 46.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN.....	29
CHƯƠNG IX ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....		30
ĐIỀU 47.	TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	30
ĐIỀU 48.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	30
ĐIỀU 49.	HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	31
CHƯƠNG X KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO		32
ĐIỀU 50.	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	32
ĐIỀU 51.	NĂM TÀI CHÍNH.....	33
ĐIỀU 52.	CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	33
ĐIỀU 53.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC BÁO CÁO KHÁC	33
CHƯƠNG XI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ		33
ĐIỀU 54.	XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	33
ĐIỀU 55.	NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	33
ĐIỀU 56.	ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ.....	34
ĐIỀU 57.	NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ.....	35
CHƯƠNG XII LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ.....		35
ĐIỀU 58.	LỢI NHUẬN CỦA QUỸ	35
ĐIỀU 59.	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	36
CHƯƠNG XIII TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ		36
ĐIỀU 60.	CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP	36
ĐIỀU 61.	CÁC ĐIỀU KIỆN TÁCH QUỸ.....	36
ĐIỀU 62.	CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ.....	37
CHƯƠNG XIV GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....		37
ĐIỀU 63.	KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	37
CHƯƠNG XV CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ.....		37
ĐIỀU 64.	CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ.....	37
ĐIỀU 65.	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ.....	38
ĐIỀU 66.	ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ, ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	38
PHỤ LỤC 1.1 CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		39
PHỤ LỤC 1.2 CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		41

ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021, quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021, hướng dẫn hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; và
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021, hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Các văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn các văn bản pháp luật nêu trên và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

II. ĐỊNH NGHĨA

"Bản Cáo bạch"	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ.
"Ban Đại diện Quỹ"	là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để thay mặt nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ và của Ngân hàng Giám sát.
"Chứng chỉ Quỹ"	là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu.
"Cổ tức Quỹ"	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.
"Công ty Kiểm toán"	là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định, là một công ty kiểm toán độc lập được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các quỹ đầu tư ở Việt Nam.
"Công ty Quản lý Quỹ"	<p>là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2018, thay thế cho Giấy phép số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/5/2005, Quyết định sửa đổi số 67/UBCK- GPĐC ngày 15/04/2010, Quyết định số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/8/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022.</p> <p>Công ty Quản lý Quỹ là công ty quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam được ủy thác quản lý quỹ và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Quỹ và theo quy định khác của pháp luật.</p>

Điều lệ Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

"Đại hội Nhà Đầu tư"	là đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Đại lý Chuyển nhượng"	là tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài cho Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư, quản lý tài khoản Nhà Đầu tư, ghi nhận lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.
"Đại lý Ký danh"	là Đại lý Phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư tại sở phụ.
"Đại lý Phân phối"	Là tổ chức được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng chỉ quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Công ty Quản lý Quỹ, hoặc là chính Công ty Quản lý Quỹ.
"Điều lệ Quỹ"	là tài liệu này, các phụ lục đính kèm vào tài liệu này và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có)
"Đơn vị Quỹ"	là Giá trị tài sản ròng của Quỹ được chia thành nhiều phần bằng nhau (mệnh giá của một Đơn vị Quỹ của đợt IPO là 10.000 đồng). Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Giá Mua lại"	là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ lại từ Nhà Đầu tư. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.
"Giá Phát hành"	là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá Phát hành lần đầu là 10.000 đồng cộng thêm Giá dịch vụ Phát hành. Giá Phát hành các lần tiếp theo bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ Phát hành được quy định tại Bản Cáo bạch.
"Giá trị Tài sản ròng của Quỹ"	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng.
"Hợp đồng Giám sát"	là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư.
"IPO"	là việc chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng được thực hiện và hoàn tất trước khi Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK ngày 25/03/2014.
"Luật Chứng khoán"	là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.
"Năm Tài chính"	là mười hai tháng tính từ đầu ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Nhà Đầu tư"	là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ một hay nhiều Chứng chỉ Quỹ.

Điều lệ Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

"Ngân hàng Giám sát"	là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), một ngân hàng được thành lập theo Giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013 và Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) liên quan đến "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán", cung cấp các dịch vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ này và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
"Ngày Làm Việc"	Là ngày làm việc theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
"Ngày Định giá"	là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ này. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.
"Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ"	là Ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại, chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ.
"Người có liên quan"	là những tổ chức hoặc cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp khoản 46 điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
"Giá dịch vụ Phát hành/Giá dịch vụ Mua lại"	là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một Đơn vị Quỹ, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định tại Bản Cáo bạch.
"Giá dịch vụ Quản lý Quỹ"	là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ được quy định trong Bản Cáo bạch.
"Quỹ"	là Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK ngày 25/03/2014.
"Sở Giao dịch Chứng khoán"	là các Sở Giao dịch Chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam nơi chứng khoán được chính thức niêm yết và mua bán. Cho đến thời điểm ban hành Bản Cáo bạch lần đầu, các Sở Giao dịch Chứng khoán được đề cập là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
"Sự kiện Bất khả kháng"	là bất kỳ sự kiện nào mà Công ty Quản lý Quỹ không thể dự đoán trước và/hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm, nhưng không giới hạn; bất kỳ sự thay đổi các quy định về pháp luật; việc hư hỏng hệ thống công nghệ thông tin do tác nhân bên ngoài; chiến tranh hoặc thiên tai; biểu tình hoặc khủng bố; việc đình trệ bưu chính hoặc các sự kiện, hành động tương tự.
"Tài sản Mục tiêu"	là các cổ phiếu trong nước niêm yết trên HOSE và HNX, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh thanh toán, tín phiếu kho bạc, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chuyển đổi tại Việt Nam, và thị trường tiền tệ và tiền gửi tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

Điều lệ Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

“Thời điểm đóng sổ lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cụ thể được quy định tại Điều lệ Quỹ này, công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày làm việc liền kề trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng”	Là thời điểm mà Công ty Quản lý Quỹ chốt sổ để xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cho các kỳ giao dịch (ngày gần nhất trước ngày định giá) hoặc cho các kỳ báo cáo theo quy định của pháp luật (ngày cuối kỳ) hoặc cho các mục đích khác
“Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ”	là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu tại thời điểm xác định Giá trị Tài sản ròng.
“UBCKNN”	là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“VNĐ”	là đồng Việt Nam.
“Vốn Điều lệ”	là tổng số vốn bằng tiền 53.203.406.730 VNĐ được các Nhà Đầu tư thực góp tại đợt IPO Chứng chỉ Quỹ và được ghi trong Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 09/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25/03/2014.

III. NỘI DUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

**CHƯƠNG I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Tên tiếng Anh: Eastspring Investments Vietnam Navigator Fund

Tên viết tắt: ENF

Địa chỉ liên hệ:

- Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Eastspring Investments.
- Trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 28-39102848 Fax: (84) 28-39102145

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động ngay sau khi được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ. Thời hạn hoạt động của Quỹ kết thúc ngay sau khi Quỹ bị đóng cửa giải thể, phá sản theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Trách nhiệm của Nhà Đầu tư được hạn chế trong phạm vi Giá Phát hành mà Nhà Đầu tư đã trả cho những Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư sở hữu.
2. Quỹ được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát theo các quy định của Điều lệ Quỹ này, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan.
3. Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ trong các giao dịch của Quỹ với bất kỳ một bên nào khác bao gồm Nhà Đầu tư, các cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ của Quỹ.
4. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quản lý cao nhất của Quỹ, có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Chương IV của Điều lệ Quỹ này.
5. Ban Đại diện Quỹ là cơ quan đại diện cho lợi ích của Nhà Đầu tư có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Chương V của Điều lệ Quỹ này.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ được chào bán

1. Vốn Điều lệ tối thiểu được huy động trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng (IPO) là 50 tỷ VNĐ, được chia thành 5 triệu Đơn vị Quỹ với mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ.
2. Ngay sau khi mua các Đơn vị Quỹ, Nhà Đầu tư sẽ góp vốn bằng tiền VNĐ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối đa phải do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán

Chúng chi Quỹ.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

- Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2018, thay thế cho Giấy phép số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/5/2005, Quyết định sửa đổi số 67/UBCK- GPĐC ngày 15/04/2010, Quyết định số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/8/2007, Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022.
- Trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 28-39102848 Fax: (84) 28-39102145

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

- Tên Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8/9/2008.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 10/12/2013.
- Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) liên quan đến "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán",
- Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 28-38292288 Fax: (84) 28-62563635

Điều 8. Các Tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ

Các Tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ được ủy quyền sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ sẽ hướng đến việc gia tăng ổn định về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược phân bổ và cơ cấu tài sản một cách năng động để ứng phó với tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường nhằm bảo toàn vốn và tận dụng tăng trưởng giá trị quỹ khi có cơ hội. Cụ thể, việc phân bổ tài sản của Quỹ chủ yếu được thực hiện như sau:

Điều lệ Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

- Cổ phiếu được phép đầu tư (theo khoản 3 điều này): từ 0 – 100%
 - Trái phiếu được phép đầu tư (theo khoản 3 điều này): từ 0 – 100%
 - Tiền và công cụ tiền tệ được phép đầu tư (theo khoản 3 điều này): từ 0 – 49%
2. Lĩnh vực ngành nghề dự định đầu tư:
- Quỹ dự định sẽ đầu tư vào nhiều ngành nghề khác nhau của nền kinh tế quốc dân tùy thuộc vào chiến lược đầu tư của Quỹ và theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.
3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:
- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán;
 - e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - f. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ; và
 - g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
4. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi công cụ tiền tệ quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều này phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại Điểm e Khoản 3, Điều này phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Điều 11. Hạn mức đầu tư

1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau đây:
- a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ Quỹ này;
 - b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c. Quỹ không được đầu tư quá 20% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 điều 10 của Điều lệ Quỹ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính Phủ;
 - d. Quỹ không được đầu tư quá 30% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các Điểm a, b, d, e và f Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ Quỹ này được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
 - e. Quỹ không được đầu tư quá 10% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại

Điểm e Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ Quỹ này.

- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và g khoản 3 Điều 10 (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
 - g. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ;
 - h. Quỹ không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ hay các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - i. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và
 - j. Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.
2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e và f khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
 - c. Hoạt động chia tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
 - d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ; hoặc
 - e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Đối với các trường hợp được quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công bố thông tin và phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh sai lệch
4. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 Điều lệ Quỹ này.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 05% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ: Công ty Quản lý Quỹ hướng đến lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ của các tổ chức tín dụng có khả năng mang lại lãi suất tốt, đồng thời xem xét đến thứ hạng tín dụng và định mức tín dụng phù hợp cho từng tổ chức tín dụng.
2. Phương pháp đầu tư đối với trái phiếu, công cụ nợ: Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn trái phiếu, các công cụ nợ để đầu tư trên cơ sở xem xét đến việc kết hợp chỉ số đánh giá tín dụng nội bộ, sự hấp dẫn lợi tức và tính thanh khoản của trái phiếu, công cụ nợ đó.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Công ty Quản lý Quỹ kết hợp cả hai phương pháp phân tích ngành và phân tích công ty mục tiêu (“top-down” và “bottom-up”) để lựa chọn cổ phiếu đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ cũng xem xét bối cảnh nền kinh tế, ảnh hưởng của kinh tế vĩ mô đối với hoạt động đầu tư giá trị. Những thay đổi của kinh tế vĩ mô và chính sách của Chính phủ vào từng thời điểm sẽ tác động trực tiếp đến quy trình phân bổ tài sản của Quỹ. Chất lượng và số lượng cổ phiếu đầu tư là những yếu tố cơ bản khi lựa chọn và phân bổ nguồn vốn đầu tư.
4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ đầu tư khác: Công ty Quản lý Quỹ áp dụng các phương pháp phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Quỹ.

**CHƯƠNG III
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

Điều 14. Nhà Đầu tư và tài khoản Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Công ty Quản lý Quỹ và các bên có liên quan, và do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký.
3. Đối với Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý Phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà Đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu. Nhà Đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:
 - a. Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà Đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà Đầu tư); hoặc
 - b. Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của Đại lý Ký danh (gọi tắt là tiểu khoản của Nhà Đầu tư).
4. Trước khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ và mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch cho Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện hoặc yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Ký danh, Đại lý Phân phối tổng hợp và thẩm định thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo quy trình đã thống nhất với Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp yêu cầu thông tin về Nhà Đầu tư không được đáp ứng, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Phân phối có quyền từ chối không mở tài khoản, tiểu khoản cho Nhà Đầu tư.
5. Tài khoản, tiểu khoản của Nhà Đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Số tài khoản giao dịch/ số tiểu khoản giao dịch;
 - b. Số lượng đơn vị quỹ;
 - c. Số lượng đơn vị quỹ tăng/giảm, lý do việc tăng/giảm; và
 - d. Các thông tin cá nhân khác của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh phải bảo đảm nguyên tắc sau:
 - a. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải mở, quản lý tài khoản độc lập, tách biệt tới từng Đại lý Ký danh và từng Nhà Đầu tư. Đại lý Phân phối có trách nhiệm cập nhật thông tin về các hoạt động mở, đóng tài khoản của Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
 - b. Đại lý Ký danh phải mở, quản lý tiểu tài khoản giao dịch độc lập, tách biệt tới từng Nhà Đầu tư. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải luôn khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính; và
 - c. Đại lý Ký danh phải cung cấp thông tin về tiểu khoản của từng Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; thường xuyên đối chiếu, soát xét bảo đảm số dư trên tiểu khoản phù hợp với số liệu, thực trạng sở hữu của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính. Quy định này không áp dụng đối với Đại lý Ký danh ở nước ngoài.
7. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Ký danh có trách nhiệm cung cấp sao kê tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư.
8. Trước khi mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà Đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Quy định này không áp dụng đối với Nhà Đầu tư ở ngoài lãnh thổ Việt Nam và thực hiện giao dịch thông qua tài khoản ký danh của Đại lý Ký danh ở nước ngoài.
9. Trước khi mở tài khoản ký danh, Đại lý Ký danh ở nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.
10. Đại lý Chuyển nhượng, Đại lý Ký danh phải cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác mã số giao dịch chứng khoán và trạng thái sở hữu của Nhà Đầu tư nước ngoài và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu bằng văn bản. Quy định này không áp dụng cho Đại lý Ký danh ở nước ngoài mở tài khoản ký danh quy định tại khoản 9 Điều này nêu trên.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
 - b. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c. Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ này;
 - d. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - e. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
 - g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ này.

2. Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - b. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của Nhà Đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - c. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời Nhà Đầu tư;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc; và
 - e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ, nếu có.
3. Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 16. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho Đại lý Chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (“Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính”). Trong trường hợp Nhà Đầu tư đầu tư thông qua việc thỏa thuận chỉ định với Đại lý Phân phối, Đại lý Phân phối có liên quan đó sẽ thiết lập và lưu giữ một hoặc nhiều Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư phụ (“Sổ Phụ”). Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho Đại lý Phân phối có liên quan nhất thông tin trong Sổ Phụ vào Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính và chứng thực quyền sở hữu của Nhà Đầu tư đối với Chứng chỉ Quỹ trên Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính.
2. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính và Sổ Phụ phải có các thông tin sau:
 - a. Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ

chiều còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

- b. Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
 - c. Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.
3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính.

Điều 17. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức hoặc ủy quyền cho một trong các đơn vị cung cấp dịch vụ của Quỹ tiến hành giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
2. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Bản Cáo Bạch. Trong trường hợp Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ là ngày nghỉ lễ, tết thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong kỳ đó.
3. Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ
 - a. Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc được gửi tới Đại lý Phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu tư tại Việt Nam có thể đặt lệnh giao dịch tại mọi Đại lý Phân phối đã được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
 - b. Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của Công ty Quản lý Quỹ. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư qua internet, điện thoại, fax, Đại lý Phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:
 - Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư;
 - Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, thì phải xác nhận lại với Nhà Đầu tư trước khi thực hiện, đồng thời yêu cầu Nhà Đầu tư cung cấp phiếu lệnh gốc có chữ ký của Nhà Đầu tư để lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh của Nhà Đầu tư.
 - c. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh giao dịch mua, bán hoặc chuyển đổi nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.
 - d. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà Đầu tư bản xác nhận giao dịch.
 - e. Công ty Quản lý Quỹ tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Đại lý Ký danh phải có sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư theo đúng quy định.
 - f. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có từ hai quỹ mở và có quy định tại điều lệ các quỹ và Bản Cáo bạch, Nhà Đầu tư được chuyển đổi quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định.

5. Lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi, đóng sổ lệnh, phương pháp thanh toán được tiến hành theo quy trình được nêu chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 18. Mua lại một phần, mua toàn bộ và tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:
 - a. Tổng giá trị các lệnh bán (bao gồm lệnh bán và lệnh chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (bao gồm lệnh mua và lệnh chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn đến Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 50 tỷ VNĐ.
2. Trong trường hợp mua lại một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ mua lại theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ đối với tất cả Nhà Đầu tư. Lệnh bán, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo tỷ lệ giữa tổng giá trị lệnh có thể thực hiện được trong phạm vi được nêu tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 1 và tổng giá trị đăng ký giao dịch.
3. Trong trường hợp mua lại một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư còn lại ít hơn số Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu được quy định tại Bản Cáo Bạch thì Công ty Quản lý Quỹ tự động mua lại toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ còn lại đó vào kỳ giao dịch kế tiếp theo mức giá và phương thức giao dịch chung; đồng thời nếu xét thấy cần thiết Công ty Quản lý Quỹ được quyền quyết định đóng tài khoản của một Nhà Đầu tư bất kỳ sau 1 năm nếu như không có những hoạt động giao dịch nhằm duy trì số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu.
4. Trong trường hợp mua lại một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư còn lại nhiều hơn số Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu thì lệnh bán của Nhà Đầu tư đối với số Chứng chỉ Quỹ còn lại được tự động hủy bỏ và tài khoản của Nhà Đầu tư vẫn được duy trì theo quy định chung.
5. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
6. Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu của Nhà Đầu tư do Sự kiện Bất khả kháng.
 - b. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cho việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Quỹ vào Ngày Định giá trong trường hợp Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ.
 - c. Khi tính thanh khoản của Quỹ bị biến động mạnh do phần lớn giá trị tài sản của Quỹ bị sụt giảm, ngưng trệ giao dịch hoặc do thị trường chứng khoán suy giảm, đóng cửa dẫn đến Công ty Quản lý Quỹ khó có thể định giá chính xác Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
 - d. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý Chuyển nhượng, Đại lý Phân phối hay những tổ chức có liên quan khác bị rút giấy phép hoạt động, lâm vào tình trạng giải thể, phá sản, hay đang bị kiểm soát đặc biệt theo quy định của luật pháp.
 - e. Các trường hợp khác mà Công ty quản lý Quỹ hay UBCKNN xét thấy là cần thiết tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
7. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vượt quá 90 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 6 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt

- Trong suốt thời gian tạm dừng giao dịch, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ công bố đầy đủ thông tin cho Nhà Đầu tư về những vấn đề liên quan đến việc tạm dừng giao dịch cũng như thời hạn tạm dừng theo quy định của pháp luật.
- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại khoản 7 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 19. Giá Phát hành lần đầu, Giá Phát hành, Giá Mua lại Chứng chỉ Quỹ và các loại giá dịch vụ

- Giá Phát hành lần đầu (IPO) của một Đơn vị Quỹ mở là 10.000 đồng cộng Giá dịch vụ Phát hành.
- Giá Phát hành các lần tiếp theo (sau IPO) bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng thêm Giá dịch vụ Phát hành.
- Giá Mua lại của một Đơn vị Quỹ là Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ trừ Giá dịch vụ Mua lại (nếu có).
- Giá dịch vụ Phát hành lần đầu, Giá dịch vụ Phát hành các lần tiếp theo, Giá dịch vụ Mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ này được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch không vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.
- Ngoại trừ các khoản giá dịch vụ do Quỹ phải trả theo quy định tại Điều này và quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch, Nhà Đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản giá, phí nào khác cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hay tổ chức được ủy quyền khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 20. Chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ không mang tính thương mại

- Nhà Đầu tư có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ không mang tính thương mại dưới hình thức biếu, tặng, cho, thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người sở hữu hợp pháp kế tiếp là người nắm giữ các Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính sau khi họ đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ và thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ (nếu có).

**CHƯƠNG IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư

- Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính trước khi có thông báo triệu tập Đại hội đó đều có quyền tham dự.
- Đại hội Nhà Đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay thế Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;

- c. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
 - d. Phương án phân phối lợi tức;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
 - f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - g. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu tư;
 - h. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà Đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
 4. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.
 5. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cách thức tham gia họp trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Quỹ này.

Điều 22. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường

1. Công ty Quản lý Quỹ triệu tập có trách nhiệm triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy Đại hội đó là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b. Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;
2. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được triệu tập và tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu tổ chức đại hội đó, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của đại hội.
3. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ này.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà Đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Cách thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.

3. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi Đơn vị Quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Kiểm toán phải tham dự Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.
4. Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 21 Điều lệ Quỹ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
6. Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản được quy định tại Điều 24 của Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà Đầu tư.
7. Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản.

Điều 24. Lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư bằng văn bản

1. Căn cứ vào khoản 5 Điều 21 và khoản 4 Điều 23 của Điều lệ Quỹ này, Đại hội Nhà Đầu tư có thể được thực hiện bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
3. Nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản như sau:
 - a. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản, bản thảo nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư và các tài liệu khác giải trình dự thảo nghị quyết, nếu có, phải được gửi theo cách bảo đảm tới được địa chỉ của từng Nhà Đầu tư đăng ký trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính.
 - b. Bất kỳ mẫu ý kiến bằng văn bản nào đã được điền đầy đủ đều phải có chữ ký của Nhà Đầu tư có liên quan. Việc kiểm phiếu ý kiến bằng văn bản phải có chứng kiến của đại diện Ngân hàng Giám sát.
 - c. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư phải được công bố cho các Nhà Đầu tư trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày kiểm phiếu.
 - d. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà Đầu tư có giá trị tương tự như một nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua tại một cuộc họp.

Điều 25. Phản đối Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư phản đối quyết định về các vấn đề nêu tại điểm b) và c) Khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Quỹ này có thể yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư thành chứng chỉ quỹ của bất kỳ quỹ mở nào do Công ty Quản lý Quỹ quản lý mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu đó phải bằng văn bản và nêu rõ tên, địa chỉ, số tài khoản lưu ký của Nhà Đầu tư và số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty quản lý và yêu cầu đó phải được gửi cho Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư ra quyết định.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày công bố quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Giá Mua lại hay Giá Chuyển đổi.

**CHƯƠNG V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Điều 26. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có từ 3 đến 11 thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba là các thành viên độc lập theo nguyên tắc không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
2. Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - a. Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b. Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c. Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn và bầu thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện Quỹ:
 - a. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị
 - b. Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
3. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban Đại diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Ban Đại diện Quỹ được bầu và bãi nhiệm bằng quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Các ứng viên nhận được số phiếu cao hơn được bầu vào các vị trí còn trống.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu tư;
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá và các nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư; phê duyệt giao dịch mua tài sản hoặc bán tài sản giữa Quỹ và các quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý hoặc với chính Công ty Quản lý Quỹ, công ty liên kết hay nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ.

3. Phê chuẩn mức lợi nhuận được phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận; xem xét các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
4. Trường hợp được Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ có quyền quyết định các vấn đề nêu tại điểm b), c), d), e), f), g) và h) khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Quỹ này. Ban Đại diện Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đưa ra quyết định về các vấn đề quy định tại Khoản này, sẽ gửi biên bản cuộc họp và các nghị quyết tới UBCKNN, Ngân hàng Giám sát và các Nhà Đầu tư.
5. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đủ các tài liệu và thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát của Quỹ; và
6. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định theo Điều lệ Quỹ này.

Khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ phải tuân thủ các quy định có liên quan, Điều lệ Quỹ này và quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với các quy định liên quan hoặc gây thiệt hại cho Quỹ, thì các thành viên đã chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng chịu trách nhiệm về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; các thành viên phản đối quyết định đó được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 30. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên của Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là một thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ tương tự như nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình và kế hoạch làm việc của Ban Đại diện Quỹ;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ này.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì một thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên còn lại của Ban Đại diện Quỹ lựa chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Trong trường hợp này, việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư tiếp theo.

Điều 32. Việc bãi nhiệm và từ chức của các thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Thành viên của Ban Đại diện Quỹ bị bãi nhiệm hoặc đương nhiên thôi chức vụ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Bị truy tố trách nhiệm hình sự;
 - b. Bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - c. Bị cấm hoạt động với tư cách là thành viên của một ban đại diện quỹ theo các quy định có liên quan;
 - d. Ngay sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận văn bản thông báo từ chức của thành viên đó;
 - e. Ngay sau khi kết thúc nhiệm kỳ thành viên Ban Đại diện Quỹ;
 - f. Ngay sau khi qua đời;
 - g. Khi các điều kiện về nắm giữ Chứng chỉ Quỹ không còn được thành viên hoặc Nhà Đầu tư mà thành viên đó đại diện đáp ứng;
 - h. Ngay khi có quyết định bãi nhiệm của Đại hội Nhà Đầu tư đối với thành viên đó vì các hành vi trái với các quyền và nghĩa vụ được giao của thành viên đó theo Điều lệ Quỹ này hoặc các hành vi gây thiệt hại tới quyền lợi của Quỹ và của các Nhà Đầu tư; hoặc
 - k. Khi thành viên Ban Đại diện Quỹ không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 26 nêu trên.
2. Việc bổ sung/thay thế các thành viên Ban Đại diện Quỹ được quyết định tại Đại hội Nhà Đầu tư tiếp theo, ngoại trừ trường hợp việc đình chỉ, bãi nhiệm của Ban Đại diện Quỹ như quy định tại Điều này khiến cho số thành viên Ban Đại diện Quỹ ít hơn ba thành viên theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp đó, Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lựa chọn một thành viên đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 điều 6 của Điều lệ Quỹ này để tạm thời thay thế trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày bãi nhiệm. Thành viên thay thế tạm thời thực thi các quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức chỉ định được một thành viên mới.

Điều 33. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ triệu tập các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần, và trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành hợp lệ khi ít nhất có hai phần ba tổng số thành viên trở lên có mặt, trong đó phải có trên 50% số thành viên độc lập.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được đưa ra bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe hoặc nhìn khác, hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu quyết định đó được ít nhất trên 50% số thành viên dự họp trở lên và trên 50% số thành viên độc lập thông qua. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản (bao gồm cả thư điện tử/email) hoặc gọi điện trực tiếp tới cuộc họp. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
5. Biên bản cuộc họp có thể đồng thời là nghị quyết, quyết định của Ban Đại diện Quỹ. Chủ tọa đại diện cho Ban Đại diện Quỹ và thư ký ký tên vào biên bản, nghị quyết, quyết định của Ban Đại diện Quỹ và phải cùng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung.

CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ;

3. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát;
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ quản lý quỹ và có tiêu chuẩn quản lý quỹ quốc tế; và
5. Có các chính sách và thủ tục thích hợp về chống tham nhũng, chống rửa tiền, ngăn chặn xung đột quyền lợi, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ
 - a. Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện các hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư theo các quy định liên quan của Luật Chứng khoán, Điều lệ Quỹ và tùy thuộc vào sự giám sát của Ngân hàng Giám sát;
 - b. Tuân thủ các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Ban Đại diện Quỹ;
 - c. Thiết lập các hệ thống về kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và giám sát và hệ thống ngăn chặn các xung đột lợi ích trong phạm vi Công ty Quản lý Quỹ và trong các giao dịch với các Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ;
 - d. Tuân thủ các yêu cầu tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định pháp luật;
 - e. Tuân thủ các thủ tục áp dụng về kế toán, kiểm toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo pháp luật;
 - f. Công bố các thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và tuân thủ các yêu cầu về báo cáo theo quy định pháp luật có liên quan;
 - g. Bồi thường bất kỳ tổn thất nào của Quỹ phát sinh do không thực hiện đúng các trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ được quy định trong Điều lệ Quỹ này, theo các quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan;
 - h. Xác định hoặc bảo đảm việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ theo quy định của Điều 88 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ này;
 - i. Bảo đảm rằng Công ty Quản lý Quỹ và những người sau đây của Công ty Quản lý Quỹ không phải là Người có liên quan của Ngân hàng Giám sát: thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành; và
 - j. Bảo đảm rằng thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không đồng thời làm việc tại các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ của Ngân hàng Giám sát.
2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ:
 - a. Nhận các khoản giá theo quy định của Điều lệ Quỹ này và các quy định pháp luật hiện hành;
 - b. Thực hiện hoạt động kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c. Tham dự Đại hội Nhà Đầu tư; và
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Các quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ sau khi đề nghị đó đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
 - b. Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi; hoặc

- c. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ hợp nhất hoặc sáp nhập với một Công ty Quản lý Quỹ khác, trừ khi Đại hội Nhà Đầu tư có phê chuẩn khác.
2. Ít nhất sáu (06) tháng trước thời điểm dự kiến chấm dứt việc quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư để tham khảo Nhà Đầu tư về việc chấm dứt đó và các hậu quả dự kiến của dự định chấm dứt đó đối với các quyền và nghĩa vụ của Quỹ và các nhiệm vụ kéo theo của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.

Điều 37. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có liên quan của Ngân hàng Giám sát; thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại Ngân hàng Giám sát và ngược lại.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của mình để đầu tư vào Quỹ.
3. Các thành viên của Ban giám đốc, người quản lý, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ chỉ mua/bán Chứng chỉ Quỹ theo giá thị trường của Chứng chỉ Quỹ đó.
4. Công ty Quản lý Quỹ không đầu tư, thực hiện góp vốn hoặc mua cổ phần trong một Công ty Quản lý Quỹ khác hoặc một công ty chứng khoán khác.
5. Công ty Quản lý Quỹ không mở bất kỳ tài khoản giao dịch chứng khoán nào của Quỹ tại các công ty chứng khoán là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ không sử dụng vốn của Quỹ để mua tài sản của các quỹ đầu tư khác do chính mình quản lý.
7. Công ty Quản lý Quỹ không sử dụng vốn của Quỹ để đầu tư vào tài sản hoặc chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ hoặc Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi liên quan, trừ trường hợp có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ.
8. Ngoài các loại giá và mức giá đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ này và Bản Cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không hưởng bất kỳ khoản thu nhập hay lợi ích nào phát sinh từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản được cung cấp từ bất kỳ bên thứ ba nào. Nếu có, khoản thu nhập hay lợi ích đó phải được nộp cho Quỹ.
9. Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các giao dịch có thể làm phát sinh các chi phí và rủi ro bất hợp lý đối với Quỹ. Trường hợp phát sinh các chi phí thì Công ty Quản lý Quỹ phải chịu các chi phí này và không được ghi vào chi phí của Quỹ.

**CHƯƠNG VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Chứng khoán và không phải là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Nhân viên làm việc tại các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ tại Ngân hàng Giám sát không được đồng thời là thành viên hội đồng thành viên của Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát:
 - a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư;
 - b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng Giám sát;

- c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ này;
 - d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng Giám sát và Điều lệ Quỹ này;
 - e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ khác với tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và với tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
 - f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho các tổ chức lưu ký phụ;
 - g. Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ để đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
 - h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát tin rằng những chỉ thị đó là không hợp pháp hoặc không phù hợp với các quy định pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp từ chối, Ngân hàng Giám sát phải đưa ra các lý do và gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN;
 - i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ;
 - j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý và hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ và đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ này;
 - k. Thanh toán tiền cho các Nhà Đầu tư khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ, khi Quỹ phân phối thu nhập, và khi Quỹ bị thanh lý, các tài sản còn lại phải được phân chia cho các Nhà Đầu tư, và trong các trường hợp khác theo các quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ và theo các chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với Điều lệ Quỹ; và
 - l. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định có liên quan.
2. Quyền của Ngân hàng Giám sát:
- a. Được hưởng giá dịch vụ theo quy định của Điều lệ Quỹ này và theo các quy định có liên quan. Ngân hàng Giám sát không được phép nhận bất cứ lợi ích nào cho chính ngân hàng hoặc cho bất kỳ bên thứ ba nào;
 - b. Tham dự Đại hội Nhà Đầu tư và họp Ban Đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết; và
 - c. Các quyền khác theo pháp luật và theo Hợp đồng Giám sát.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát của Ngân hàng Giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ. Khi thực hiện hoạt động giám sát của mình, Ngân hàng Giám sát phải:
 - a. Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

Trường hợp phát hiện bất cứ vi phạm nào đối với các quy định pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn quy định;

- c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể và thanh lý tài sản của Quỹ;
 - d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phí phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này;
 - e. Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ này; và
 - f. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.
2. Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian ít nhất là mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ các nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát liên quan tới các dịch vụ của ngân hàng dành cho Quỹ và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến Quỹ theo quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ và Công ty Kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này.
 4. Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.
 5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát liên đới cùng với Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
 6. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, rà soát và thẩm định năng lực của hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, duy trì sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư đối với Chứng chỉ Quỹ và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.
 7. Công ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào nếu cho là thích hợp và Ngân hàng Giám sát, khi nhận được chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ đến ngân hàng hoặc tổ chức theo chỉ định của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và không chịu trách nhiệm khi các ngân hàng hay tổ chức đó bị giải thể, mất khả năng thanh toán hay phá sản.
 8. Đối với các loại chứng khoán mà Quỹ mua đầu tư hoặc thuộc sở hữu của Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát thì Ngân hàng Giám sát có quyền xác minh hàng tháng việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu Quỹ gửi tiền mặt tại các ngân hàng hay tổ chức khác, Ngân hàng Giám sát xác minh hàng tháng những khoản tiền đó. Để thực hiện điều này, Công ty Quản lý Quỹ yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức mà Quỹ gửi tiền, hàng tháng gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng Giám sát. Ngân hàng Giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân

hàng và tổ chức nhận tiền gửi và không chịu trách nhiệm cho những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức phát hành, ngân hàng hay tổ chức nhận tiền gửi đó.

9. Các dịch vụ của ngân hàng giám sát và lưu ký liên quan đến các loại chứng khoán chưa niêm yết, ngoài phạm vi dịch vụ quy định trong điều 40.1 của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật hiện hành, sẽ chỉ giới hạn trong dịch vụ nhận, chuyển giao trong nước và bảo quản giấy chứng nhận, tất cả những dịch vụ đó sẽ được cung cấp theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ. Để tránh nhầm lẫn, ngân hàng giám sát và lưu ký sẽ không chịu trách nhiệm kiểm tra tính hiệu lực và tính xác thực của bất cứ công cụ, chứng chỉ hoặc tài liệu nào về các chứng khoán chưa niêm yết này mà có thể chịu ảnh hưởng của những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức có liên quan và sẽ không chịu trách nhiệm với việc không có hiệu lực hoặc thiếu tính xác thực đó.
10. Ngân hàng Giám sát không chịu trách nhiệm tiến hành định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có nghĩa vụ kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ đã tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ hay chưa. Để tránh hiểu lầm, Ngân hàng Giám sát cũng không chịu trách nhiệm khi Công ty Quản lý Quỹ tiến hành định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ khi căn cứ vào các quy định hoặc chấp thuận nội bộ của Quỹ (như Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch hoặc các nghị quyết chấp thuận của Đại hội Nhà Đầu tư hay Ban Đại diện Quỹ) trong những trường hợp dưới đây:

Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập hoặc xác nhận giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập;

Ngân hàng Giám sát sử dụng dịch vụ định giá tự động hoặc dịch vụ do nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ thị từ Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ; và

Ngân hàng Giám sát chỉ căn cứ trên kết quả định giá hoặc thông tin định giá đối với tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do những chủ thể sau đây cung cấp: (i) Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện của Quỹ, hoặc (ii) nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ thị từ Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ.
11. Ngân hàng Giám sát không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do hậu quả hoặc liên quan tới những sai sót, không chính xác hay chậm trễ phát sinh theo Khoản 9 Điều 40 nêu trên.
12. Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ đồng ý bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng Giám sát đối với những thiệt hại thực tế và trực tiếp liên quan đến bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại khác mà Ngân hàng Giám sát phải gánh chịu do thực hiện khoản 9 Điều 40 nêu trên, trừ những thiệt hại do chính Ngân hàng Giám sát hoặc nhân viên, lãnh đạo của Ngân hàng Giám sát gian lận, lừa dối, sơ suất hay cẩu thả.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Ngân hàng Giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán;
 - b. Chấm dứt Hợp đồng Giám sát;
 - c. Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập; hoặc
 - d. Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.
2. Thẻ thức thay đổi Ngân hàng Giám sát:
 - a. Trường hợp chấm dứt quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, mọi quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 38 của Điều lệ Quỹ này;
 - b. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm báo cáo UBCKNN về việc lựa chọn Ngân hàng Giám sát thay thế dự kiến theo các thẻ thức liên quan quy định bởi pháp luật;
 - c. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày có phê chuẩn của UBCKNN về việc thay thế đó,

Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho Nhà Đầu tư về việc thay thế Ngân hàng Giám sát; và

- d. Các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát chỉ chính thức chấm dứt khi hoàn thành việc bàn giao các quyền và nghĩa vụ từ Ngân hàng Giám sát sang Ngân hàng Giám sát thay thế. Ngân hàng Giám sát thay thế phải lập biên bản bàn giao có sự chứng kiến của Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ. Biên bản bàn giao đó phải được báo cáo lên UBCKNN.

CHƯƠNG VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)

Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong bản Điều lệ Quỹ này và quy định pháp luật liên quan. Các hoạt động được ủy quyền bao gồm và không hạn chế:

- Hoạt động dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng
- Hoạt động dịch vụ quản trị Quỹ
- Các hoạt động khác (nếu có)

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn các tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ

1. Có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Đại lý Chuyển nhượng và của tổ chức quản trị quỹ;
2. Đáp ứng đủ năng lực trong cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
3. Có đủ khả năng để đáp ứng các yêu cầu quy định có liên quan;
4. Có hệ thống kiểm soát an ninh và nội bộ, phạm vi công việc kiểm toán, báo cáo và giám sát môi trường;
5. Có năng lực tài chính và quyền lợi bảo hiểm cần thiết; và
6. Các tiêu chí khác được yêu cầu bởi Công ty Quản lý Quỹ tùy từng thời điểm.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:
 - a. Các tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ thực hiện các hoạt động được ủy quyền theo các điều kiện và điều khoản hợp đồng dịch vụ vì lợi ích cao nhất của Quỹ và của Công ty Quản lý Quỹ;
 - b. Các tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ chỉ thực hiện các hoạt động được ủy quyền trong giới hạn của phạm vi dịch vụ được quy định tại hợp đồng dịch vụ.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, hạ tầng cơ sở vật chất, giấy phép và thẩm quyền nhận và cung cấp dịch vụ ủy quyền theo quy định của pháp luật. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải có đủ giấy phép, thẩm quyền cung cấp dịch vụ theo pháp luật nước sở tại và phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;
 - b. Bộ phận cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại về tổ chức nhân sự, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
 - c. Đối với dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng và dịch vụ quản trị quỹ đầu tư (nếu có), toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác và phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật và phù hợp với chính sách của Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng

theo từng thời điểm;

- d. Tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động được ủy quyền một cách hiệu quả và cẩn trọng; có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan đến Nhà Đầu tư và các đối tác của Công ty Quản lý Quỹ; và
- e. Tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan đến các hoạt động được ủy quyền để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với các hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ với bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.
3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm được quy định tại Điều này.
5. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
6. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Kiểm toán, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
7. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền như đã được quy định tại Hợp đồng Dịch vụ.
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Hoạt động ủy quyền chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Ngay sau khi chấm dứt/hết thời hạn của hợp đồng dịch vụ;
2. Ngay sau khi bên nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị thanh lý hoặc tuyên bố phá sản;
3. Theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ hoặc của Ban Đại diện Quỹ; hoặc
4. Các trường hợp khác được quy định tại hợp đồng dịch vụ.

**CHƯƠNG IX
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI**

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối

1. Công ty Quản lý Quỹ có thể lựa chọn một hoặc nhiều Đại lý Phân phối để trợ giúp trong việc phân phối các Chứng chỉ Quỹ và các vấn đề khác liên quan đến Quỹ, đến Chứng chỉ Quỹ và đến Nhà Đầu tư.
2. Các Đại lý Phân phối được lựa chọn bởi Công ty Quản lý Quỹ phải có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ do UBCKNN cấp để thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật để phân phối Chứng chỉ Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ được tự mình phân phối Chứng chỉ Quỹ và phải bảo đảm:
 - a. Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của Công ty Quản lý Quỹ. Việc thực hiện thông qua internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán; và
 - b. Các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của các Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh

1. Nghĩa vụ của Đại lý Phân phối:
 - a. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, và trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra các quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo tình hình kinh tế được cung cấp cho các Nhà Đầu tư cần phải được căn cứ vào các dữ liệu và sự kiện có thực và được đính kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn hoặc các thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.
 - b. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi các Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên Phân Phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, đặc biệt là các mục tiêu và chính sách đầu tư, chiến lược đầu tư để đạt được mục tiêu này, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, các chính sách phân phối lợi nhuận, các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ và cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
 - c. Nhân viên phân phối có trách nhiệm cung cấp các thông tin đầy đủ và chính xác về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
 - d. Nhân viên phân phối không được phép cung cấp thông tin sai sự thật hoặc khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, hoặc xúi giục các Nhà Đầu tư tương lai mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.
 - e. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó để với bất kỳ mục đích gì trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền.
 - f. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch của Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản

thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối được ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.

- g. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa được đăng ký với UBCKNN. Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
- h. Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức và cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ của mình trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phân phối trực tiếp Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Đại lý Phân phối và Công ty Quản lý Quỹ được trình bày trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

2. Quyền của Đại lý Phân phối:

Đại lý Phân phối được quyền nhận một khoản giá dịch vụ dịch vụ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ này và Hợp đồng Phân phối.

Điều 49. Hoạt động của Đại lý Phân phối và Đại lý Ký danh

1. Hoạt động của Đại lý Phân phối bao gồm:

- a. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và các người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.
- b. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác; Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền từ và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
- c. Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ và chuyển quyền sở hữu của Nhà Đầu tư.
- d. Duy trì kênh thông tin liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, bảo đảm cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp thắc mắc của từ Nhà Đầu tư về Quỹ; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư, cung cấp cho Nhà Đầu tư Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố các thông tin được ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ.
- e. Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan tổ chức tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư.
- f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Hoạt động của Đại lý Ký danh bao gồm:

- a. Thực hiện chức năng Đại lý Phân phối quy định tại khoản 1 Điều này đối với Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà Đầu tư.
- b. Lập và quản lý Sổ phụ đối với Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiêu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
- c. Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà

Đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

- d. Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại lý Phân phối quy định tại Điều lệ Quỹ này và quy định của pháp luật.
3. Bên cạnh chức năng, nhiệm vụ của Đại lý Ký danh nêu tại Bản Cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, Đại lý Ký danh phải tuân thủ các quy định sau đây:
- a. Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của Đại lý Ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu tư tại Sở phụ. Các Nhà Đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số Đơn vị Quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà Đầu tư có quyền yêu cầu Đại lý Ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà Đầu tư (nếu có).
 - b. Đại lý Ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý Ký danh muốn giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ độc lập với tài khoản ký danh.
 - c. Đại lý Ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà Đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ này và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu tư.
 - d. Đại lý Ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Ngân hàng Giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật. Đại lý Ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu. Ngân hàng Giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Ký danh cùng xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối kết hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản này, bảo đảm:
 - Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - Tiền (nếu có) của Nhà Đầu tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của Nhà Đầu tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan có trách nhiệm báo cáo UBCKNN và thông báo cho Nhà Đầu tư trong vòng 24 giờ; và
 - Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ Quỹ hoặc từ Nhà Đầu tư tham gia vào Quỹ, Đại lý Ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc thanh toán cho Quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu tư.

CHƯƠNG X KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chí lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Công ty Kiểm toán được đề cử bởi Công ty Quản lý Quỹ và được chấp thuận bởi Đại hội Nhà Đầu tư. Công ty Kiểm toán phải đáp ứng được các điều kiện sau đây:

1. Được thành lập hợp pháp và được cấp giấy phép hoạt động kiểm toán độc lập tại Việt Nam;
2. Có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ;
3. Được chấp thuận bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép cung cấp dịch vụ kiểm

toán theo quy định của pháp luật có liên quan.

Công ty Quản lý Quỹ ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán để thực hiện việc kiểm toán cho Báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với các quy định của Việt Nam.

Thời gian tối đa cho việc hoàn thành Báo cáo tài chính 6 tháng là 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm là 90 ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính.

Điều 51. Năm Tài chính

Năm Tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ và các tài sản của Quỹ phù hợp với các quy định liên quan.

**CHƯƠNG XI
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**

Điều 54. Xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
2. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc bằng việc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
3. Tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá, Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ .
4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá trị Tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

5. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ phải được xác định ít nhất 1 tuần 1 lần, tần suất cụ thể được quy định tại Bản Cáo Bạch và phải được công bố cho Nhà Đầu tư theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 55. Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ

1. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán

của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Giá trị Tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản ròng của Quỹ (nếu có) được hạch toán vào Quỹ. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo quy định nội bộ tại sổ tay định giá hoặc được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.

2. Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước đó. Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.
3. Sổ tay định giá là cơ sở để xác định giá tài sản của Quỹ và phải được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị Tài sản ròng. Sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
 - a. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;
 - b. Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của Quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ này.

Điều 56. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại gây ra cho Quỹ và các Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ (một) 1,00% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trở lên.
2. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư bị ảnh hưởng bởi lỗi này được xác định như sau:
 - a. Đối với Nhà Đầu tư đã mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu tư đã bán.
 - b. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:
 - a. Đối với Nhà Đầu tư đã mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu Chứng chỉ Quỹ đó sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai đó.
 - b. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
4. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư vượt hạn mức, chi phí vay gây ra cho Quỹ trong trường hợp:
 - a. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; hoặc
 - b. Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ Quỹ này hoặc quy định của pháp luật; hoặc
 - c. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Quỹ này.

Tuy nhiên, trong trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận cho Quỹ.

5. Công ty Quản lý Quỹ có thể không phải đền bù cho những Nhà Đầu tư chịu thiệt hại ít hơn 100.000 đồng, nhưng toàn bộ phần thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất ủy quyền) quyết định khác. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày định giá lại Giá trị Tài sản ròng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của các Nhà Đầu tư, mức độ thiệt hại của Quỹ, kèm theo danh sách các Nhà Đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng và mức đền bù của từng Nhà Đầu tư. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày báo cáo UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ phải bắt đầu tiến hành các thủ tục đền bù cho Nhà Đầu tư, Quỹ.
6. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Nhà Đầu tư, Quỹ quy định tại Điều này được thực hiện thông qua Ngân hàng Giám sát.
7. Công ty Quản lý Quỹ không có trách nhiệm hay nghĩa vụ đền bù cho Nhà Đầu tư hay Quỹ những tổn thất, thiệt hại, sự giảm giá trị của khoản đầu tư do thay đổi của thị trường chứng khoán, thị trường tài chính, nền kinh tế, diễn biến chính trị, quân sự, khủng bố hay những sai sót, vi phạm của bên thứ ba.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Tổ chức cung cấp báo giá của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ thông qua, và phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn để cung cấp các báo giá đúng đắn.
2. Có năng lực phù hợp trong cơ cấu tổ chức, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.
3. Có đủ khả năng để đáp ứng các yêu cầu quy định có liên quan.
4. Có hệ thống kiểm soát an ninh và nội bộ, phạm vi công việc kiểm toán, báo cáo và giám sát môi trường.
5. Có năng lực tài chính và phạm vi bảo hiểm cần thiết.
6. Không phải là Người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

**CHƯƠNG XII
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ**

Điều 58. Lợi nhuận của Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ này và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản Cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Lợi nhuận của Quỹ chỉ được phân chia khi Quỹ đã hoàn thành đầy đủ, hoặc có đủ năng lực tài chính để thanh toán các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ này. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định về vấn đề này) hoặc được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);

- b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
 - d. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và
 - e. Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
5. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì Nhà Đầu tư chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

Điều 59. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm nhưng không giới hạn ở các giá dịch vụ và chi phí được liệt kê dưới đây và được trình bày cụ thể tại Bản Cáo bạch:
 - a. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ; giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ; giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát.
 - b. Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng và các giá dịch vụ khác theo hợp đồng mà Công ty Quản lý Quỹ ký với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.
 - c. Giá dịch vụ kiểm toán trả cho Công ty Kiểm toán.
 - d. Giá dịch vụ dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
 - e. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, Báo cáo tài chính của Quỹ, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức Đại hội Nhà Đầu tư và cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.
 - f. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
 - g. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
2. Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng và các giá dịch vụ giao dịch khác liên quan đến giao dịch tài sản của Quỹ trả cho các công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho các loại dịch vụ khác hoặc các giá dịch vụ phải trả cho các bên thứ ba (chi phí ngầm).
3. Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm chi trả các khoản giá dịch vụ cho việc in ấn, xuất bản và phân phối các ấn phẩm ngoài các giá dịch vụ đã liệt kê tại khoản 1 của Điều này để quảng cáo và thông tin về các sản phẩm của Quỹ.

**CHƯƠNG XIII
TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ**

Điều 60. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 61. Các điều kiện tách Quỹ

1. Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào Ngày Định Giá mua

lại Chứng chỉ Quỹ do UBCKNN quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b. Khi UBCKNN xét thấy cần thiết.

2. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 62. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý và giải thể Quỹ phải được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a. Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không thể xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b. Ngân hàng Giám sát bị giải thể hoặc phá sản hoặc Hợp đồng Giám sát bị chấm dứt hoặc bị đơn phương chấm dứt bởi Công ty Quản lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không thể lựa chọn được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ hết hạn hoặc bị thu hồi;

d. Đại hội Nhà Đầu tư quyết định giải thể Quỹ; hoặc

e. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 tỷ đồng liên tục trong sáu (6) tháng.

2. Việc thanh lý và giải thể Quỹ được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan và được UBCKNN chấp thuận.

**CHƯƠNG XIV
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH**

Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

a. Tách biệt chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;

b. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ đầu tư khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và tài sản của các Nhà Đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý Quỹ và tách biệt tài sản của các quỹ với nhau do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý, kiểm soát viên khác, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, giám sát các xung đột về lợi ích có thể xảy ra.

**CHƯƠNG XV
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ**

Điều 64. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường về Quỹ theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với quỹ đại chúng. Việc công bố thông tin được thực hiện trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ (địa chỉ trang thông tin được trình bày tại Bản Cáo bạch) và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.

2. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố cho Nhà Đầu tư biết hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các nội dung sau đây:
 - a. Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt;
 - b. Báo cáo định kỳ về thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - c. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về hoạt động đầu tư của Quỹ;
 - d. Báo cáo 6 tháng và năm về tổng kết hoạt động quản lý quỹ, bao gồm các nội dung được quy định trong các quy định pháp luật liên quan;
 - e. Báo cáo tài chính quý; báo cáo tài chính 6 tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của Quỹ theo quy định của pháp luật về kế toán đối với Quỹ.
3. Việc công bố các tài liệu tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Khi nhận được yêu cầu bằng văn bản từ Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu nêu tại khoản 2 Điều này, quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản trị rủi ro và các biện pháp kiểm soát sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

Điều 65. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 66. Đăng ký Điều lệ Quỹ, điều khoản thi hành

1. Khi thành lập quỹ, Điều lệ Quỹ đã được thông qua bằng hình thức chấp thuận bằng văn bản khi Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong giai đoạn IPO. Tại thời điểm đó, Điều lệ Quỹ có hiệu lực kể khi UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ số 09/GCN-UBCK vào ngày 25/03/2014.
2. Sau khi Quỹ được chính thức thành lập và hoạt động, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, sau khi được Ban Đại diện Quỹ hoặc Đại hội Nhà Đầu tư thông qua theo quy định tại Điều 66 Điều lệ Quỹ này, sẽ được báo cáo với UBCKNN theo quy định.
3. Điều lệ Quỹ này gồm có 15 Chương, 66 Điều và các phụ lục đính kèm như sau:

Phụ lục số 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục số 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**PHỤ LỤC 1.1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

- Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
- Số Giấy phép thành lập và hoạt động: số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2018, thay thế cho Giấy phép số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/5/2005, Quyết định sửa đổi số 67/UBCK- GPĐC ngày 15/04/2010, Quyết định số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/8/2007, Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022.

Trong thư cam kết này, các thuật ngữ viết hoa có nghĩa tương tự như được quy định tại Điều lệ Quỹ của Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư chính và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ; và
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu tư.

Điều lệ Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để Công ty Kiểm toán của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

Họ tên: Ngô Thế Triệu

Chức vụ: Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Eastspring Investments

**PHỤ LỤC 1.2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), Giấy phép hoạt động số: 235/GP-NHNN

Ngày và nơi cấp: cấp bởi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam ngày 8 tháng 9 năm 2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 10/12/2013.

Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) liên quan đến "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán",

Trong thư cam kết này, các điều khoản được định nghĩa có nghĩa tương tự như được quy định tại Điều lệ Quỹ ban đầu của Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam, Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn Vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có Liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát

Họ tên: Võ Hồng Nhung

Chức vụ: Trưởng phòng Bộ phận nghiệp vụ Chứng Khoán

PHỤ LỤC 1.3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
- Số Giấy phép thành lập và hoạt động: số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2018, thay thế cho Giấy phép số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/5/2005, Quyết định sửa đổi số 67/UBCK- GPĐC ngày 15/04/2010, Quyết định số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/8/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022
- Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), Giấy phép hoạt động số: 235/GP-NHNN
- Ngày và nơi cấp: do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 8 tháng 9 năm 2008
- Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 10/12/2013.
- Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) liên quan đến "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán",

Trong thư cam kết này, các điều khoản được định nghĩa có nghĩa tương tự như được quy định tại Điều lệ Quỹ ban đầu của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cam kết với Quỹ như sau:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo bạch.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát

Họ tên: Ngô Thế Triệu
Chức vụ: Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Eastspring Investments

Họ tên: Võ Hồng Nhung
Chức vụ: Trưởng phòng Bộ phận nghiệp vụ Chứng Khoán